

Giấy ủy nhiệm xin cấp chứng thực

Loại chứng thực	<input type="checkbox"/> Chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh <input type="checkbox"/> Chứng thực đăng ký người nước ngoài		
Người ủy nhiệm (đối tượng được cấp chứng thực)	Họ tên	Số chứng minh nhân dân (số đăng ký người nước ngoài)	
	Địa chỉ		
Mục đích sử dụng	Số bản xin cấp	bản	Nơi nộp
Người nhận ủy nhiệm (người khai)	Họ tên	Số chứng minh nhân dân (số đăng ký người nước ngoài)	
	Số điện thoại		
	Địa chỉ		

Xin ủy nhiệm nội dung như trên liên quan đến việc xin cấp và nhận chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh (chứng thực đăng ký người nước ngoài) theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh.

Năm Tháng Ngày

Người ủy nhiệm

Ký tên (đóng dấu)

Chủ tịch quận Haeundae thành phố Busan

Những điểm cần lưu ý

- Phải đính kèm bản sao giấy xác nhận nhân thân của người ủy nhiệm.
- Bản ủy nhiệm này chỉ có hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập.
- Trường hợp xin cấp và được cấp bản ủy nhiệm thông qua việc đóng dấu và ký tên giả mạo sẽ bị xử lý theo luật quy định.

Giấy ủy nhiệm xin cấp chứng thực

[사실증명 발급신청에 대한 위임장]

※ Loại chứng thực (증명의 종류)

- Đánh dấu loại đơn xin cấp chứng thực. (발급할 증명의 종류에 체크하세요)
Giấy chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh. (출입국에 관한 사실증명)
Giấy chứng thực đăng ký người nước ngoài. (외국인등록사실증명)

❖ Người ủy nhiệm (đối tượng được cấp chứng thực). (위임하는 사람 (발급대상자))

- Họ tên và địa chỉ của (Người ủy nhiệm (đối tượng được cấp chứng thực)).
(위임하는 사람(발급대상자)의 이름과 주소를 쓰세요)
- Số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài của (Người ủy nhiệm (đối tượng được cấp chứng thực)).
(위임하는사람(발급대상자)의주민등록번호(외국인등록번호)쓰세요)
- Mục đích sử dụng giấy chứng nhận. (증명서의 사용용도를 쓰세요)
- Số bản xin cấp. (증명서의 발급통수를 쓰세요)
- Nơi nộp giấy chứng nhận (증명서의 제출처를 쓰세요)

❖ Người nhận ủy nhiệm (người đứng khai) (위임받은 사람 (신청인))

- Họ tên của (người nhận ủy nhiệm (người đứng khai)).
(위임받은 사람(신청인)의 성명을 쓰세요)
- Số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của người nhận ủy nhiệm (người đứng khai).
(위임받은 사람(신청인)의 주민등록번호(외국인등록번호)를 쓰세요)
- Số điện thoại của người nhận ủy nhiệm (người đứng khai).
(위임받은 사람(신청인)의 전화번호를 쓰세요)
- Địa chỉ của người nhận ủy nhiệm (người đứng khai).
(위임받은 사람(신청인)의 주소를 쓰세요)

※ Xin ủy nhiệm nội dung như trên liên quan đến việc xin cấp và nhận chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh (chứng thực đăng ký người nước ngoài) theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh.

(「출입국관리법」 제88조 및 동법시행규칙 제75조의 규정에 따라 출입국에 관한 사실 증명 (외국인등록사실증명)의 발급신청 및 수령에 관하여 위와 같이 위임합니다.)

- Ngày khai. (신청일을 쓰세요)
- Chữ ký và đóng dấu của người ủy nhiệm (đối tượng được cấp chứng thực)
(위임하는 사람(발급대상자)의 서명날인하세요)

❖ Những điểm cần lưu ý 유의사항

1. Phải đính kèm bản sao giấy xác nhận nhân thân của người ủy nhiệm
(위임한 사람의 신분증사본을 첨부하셔야 합니다.)
2. Bản ủy nhiệm này chỉ có hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập.
(위임장은 작성한 날로부터 30일까지만 유효합니다.)

3. Trường hợp xin cấp và được cấp bản ủy nhiệm thông qua việc đóng dấu và ký tên giả mạo sẽ bị xử lý theo luật quy định

(다른 사람의 서명 또는 인장의 도용 등으로 허위의 위임장을 작성하여 증명서를 신청 또는 수령한 경우에는 관련 법률에 따라 처벌 받을 수 있습니다)